

ĐỒNG BÀO KHMER NAM BỘ THAM GIA KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (1945 - 1954): VAI TRÒ CỦA PHẬT GIÁO NAM TÔNG VÀ CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG

NGUYỄN THỊ ÁNH NGUYỆT*

LƯU VĂN QUYẾT**

HUỲNH TÂM SÁNG***

Trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954), với chính sách dân tộc đúng đắn, Đảng Cộng sản Việt Nam đã huy động được sự đồng lòng và chung tay của nhiều dân tộc thiểu số; trong đó có sự tham gia tích cực của đồng bào Khmer Nam Bộ (chủ yếu là ở Tây Nam Bộ). Với tinh thần đoàn kết, yêu nước sâu sắc, đồng bào Khmer Nam Bộ đã kiên trung đi theo kháng chiến dưới ngọn cờ lãnh đạo của Đảng. Những đóng góp của đồng bào Khmer rất phong phú và đa dạng, đặc biệt là vai trò to lớn của các ngôi chùa Phật giáo Nam tông.

*Từ khóa: đồng bào Khmer, Đảng Cộng sản Việt Nam, đoàn kết, kháng Pháp, Nam Bộ
Nhận bài ngày: 10/10/2018; đưa vào biên tập: 11/10/2018; phản biện: 14/10/2018;
duyet đăng: 25/10/2018*

Trong quá trình khai mở và gìn giữ vùng đất Nam Bộ, người Khmer đã có nhiều đóng góp quan trọng, trực tiếp vào quá trình phát triển của vùng đất này. Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, đồng bào Khmer đã có những cống hiến rất đáng ghi nhận (Phan An, 2012: 212). Trong bài viết này chúng tôi muốn tìm hiểu những nguyên nhân gì, những yếu tố nào đã góp phần thúc đẩy người Khmer tham gia tích cực vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và có những đóng góp quan

trọng, thiết thực vào thắng lợi chung ở chiến trường Nam Bộ.

1. NGỌN CỜ KHÁNG CHIẾN TỪ NHỮNG NGÔI CHÙA KHMER

Đặc điểm nổi bật nhất trong văn hóa - xã hội của người Khmer Nam Bộ là gắn liền với Phật giáo Theravada, vì lẽ đó mà nhà chùa chiếm một địa vị và vai trò quan trọng trong đời sống của cộng đồng (Dương Hoàng Lộc, 2015: 2). Sinh hoạt Phật giáo trong xã hội Khmer truyền thống đóng vai trò là chất men có kết cộng đồng dân cư bền chặt nhất. Đặc biệt, Phật giáo Khmer không chỉ đảm nhận chức năng tôn giáo mà còn đảm nhận chức năng văn hóa, xã hội, đạo đức... trong cộng đồng (Trần Khắc Tuấn, 2006: 289).

*, **, *** Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Các ngôi chùa Khmer là nơi diễn ra các hoạt động văn hóa - xã hội và là nơi mà mỗi tín đồ Khmer nương tựa để hình thành các quan niệm và giá trị sống cho bản thân. Giới tu hành Khmer không tách rời khỏi đời sống xã hội, mà ngược lại, gắn bó với gia đình, xã hội và các hoạt động cộng đồng. Các ngôi chùa không chỉ có các hoạt động tôn giáo mà còn bao gồm cả các hoạt động xã hội (Trần Kim Dung, 2000: 233). Có thể nói các ngôi chùa là một phần quan trọng làm nên diện mạo đời sống của đồng bào Khmer Nam Bộ trong cả thời bình và thời chiến.

Với việc đạo Phật có ảnh hưởng và sức lan tỏa rộng khắp trong xã hội của người Khmer, tầng lớp sư sãi và trí thức Khmer có vị trí đặc biệt trong các mối quan hệ xã hội, ảnh hưởng mạnh mẽ và chi phối sâu sắc đời sống kinh tế - xã hội của đồng bào Khmer (Bùi Thị Hồng Loan, 2010: 85). Đây cũng chính là tầng lớp đã sớm tiếp thu những giá trị xã hội tiến bộ, ý thức chống lại sự đô hộ của thực dân, để rồi dần dần đi theo cách mạng và con đường kháng chiến của dân tộc. Từ ảnh hưởng của chùa chiền mà người Khmer Nam Bộ đã hòa mình vào cuộc kháng chiến chung vì độc lập của toàn dân tộc. Các chủ trương của cách mạng chống lại cuộc tái xâm lược của thực dân Pháp đã được các sư sãi tuyên truyền, giáo dục cho người Khmer ngay trong chính những ngôi chùa Phật giáo.

Có thể nói, các ngôi chùa Khmer đã “trở thành căn cứ địa cách mạng, sư

sãi và tín đồ Khmer trở thành những chiến sĩ cách mạng; hoạt động du kích; tham gia tiếp tế lương thực cho kháng chiến và hỗ trợ chiến đấu, đánh phá đồn địch (Phạm Thanh Hằng, 2016: 683). Phật giáo Khmer đã thể hiện được tinh thần “nhập thế” sâu sắc “khi các chức sắc, tín đồ tham gia vào các hoạt động xã hội” (Phan An, 2013: 511). Hay nói cách khác, tính nhập thế của các chức sắc hay tín đồ Phật giáo Khmer đã được biểu hiện rõ nét nhất qua yếu tố cứu thế, giống như các tôn giáo khác ở Nam Bộ nói chung, trước cuộc xâm lược của thực dân (Ngô Văn Lệ, 2011: 375). Thực dân Pháp đã có nhiều kế sách gây chia rẽ, gây hận thù dân tộc với người Việt, nhưng những chức sắc và tín đồ Phật giáo Khmer vẫn hướng về cách mạng, có nhiều đóng góp thiết thực cho sự nghiệp giải phóng dân tộc. Nhiều tấm gương đấu tranh cách mạng và hy sinh anh dũng của các sư sãi và tín đồ Phật giáo Khmer đã trở thành niềm tự hào của cộng đồng Khmer (Ngô Văn Lệ, 2017: 77).

2. ĐƯỜNG LỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VÀ CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, tư tưởng đại đoàn kết các dân tộc đã được Hồ Chí Minh phát triển trên một nền tảng lý luận và thực tiễn phong phú, trở thành “kim chỉ nam” để xây dựng lực lượng kháng chiến toàn dân - toàn diện. Từ tư tưởng đại đoàn kết dân tộc hình thành nên đường lối đại đoàn kết dân tộc, là cơ sở soi rọi cuộc

vận động cách mạng đối với đồng bào các dân tộc thiểu số nói chung và đồng bào Khmer Nam Bộ nói riêng; từ đó kiên quyết, khôn khéo và khoa học đánh bại những luận điệu “chia rẽ dân tộc” của kẻ thù (Võ Văn Sen, 2010: 27).

Từ cao trào dân chủ (1936 - 1939), qua báo chí cách mạng công khai và bán công khai, Đảng cộng sản đã có nhiều nỗ lực tuyên truyền rộng rãi quan điểm, đường lối, chính sách trong quần chúng nhân dân lao động, trong đó có những nội dung về vấn đề dân tộc và quan điểm giải quyết vấn đề dân tộc, dân tộc thiểu số và vận động đồng bào dân tộc thiểu số (Lê Ngọc Thắng, 2005: 9). Trên cơ sở đó, nhiều trí thức dân tộc thiểu số đã tích cực tham gia vào các phong trào do Đảng phát động.

Ở Nam Bộ, Đảng Cộng sản chủ trương xây dựng khối đoàn kết dân tộc Kinh - Khmer thông qua các tổ chức quần chúng, như “Hội tương tế ái hữu”, “Nông hội đỏ”, “Hội cứu tế đỏ”... đấu tranh với bọn địa chủ cướp đất, đòi quyền dân sinh dân chủ. Nhờ vào cuộc vận động này mà đồng bào Khmer đã tham gia vào cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ năm 1940 và trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 (Lê Ngọc Thắng, 2005: 10). Đây chính là những bước đi rất cụ thể và cần thiết để chuẩn bị cho cuộc kháng chiến về sau này.

Ngay sau khi Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, dù tình hình đất nước đang “ngàn cân treo sợi tóc”, thì vấn đề dân tộc thiểu số và chính

sách đối với dân tộc thiểu số tiếp tục là một ưu tiên chính trị của Đảng. Hồ Chí Minh (1958: 168) đã kêu gọi: “Nay các dân tộc phải đoàn kết chặt chẽ để giữ gìn non nước ta, để ủng hộ Chính phủ ta”. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký sắc lệnh số 58 ngày 3/5/1946 thành lập Nha Dân tộc thiểu số tại Nghị định số 359, ngày 9/9/1946 của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Chức năng, nhiệm vụ của Nha Dân tộc thiểu số là: “xem xét các vấn đề chính trị và hành chánh thuộc về các dân tộc thiểu số trong nước và thắt chặt tinh thần thân thiện giữa các dân tộc sống trên đất Việt Nam” (Ủy ban Dân tộc, 2015). Nha Dân tộc thiểu số ra đời trong bối cảnh hết sức cần thiết để có thể thực hiện việc thắt chặt khối đại đoàn kết dân tộc, chống lại những kích động, xuyên tạc của kẻ thù. Trong thư gửi Đại hội các dân tộc thiểu số miền Nam, khai mạc tại Pleiku ngày 19/4/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Đồng bào Kinh hay Thổ, Mường hay Mán, Gia Rai hay Ê Đê, Xê Đăng hay Ba Na và các dân tộc thiểu số khác, đều là con cháu Việt Nam, đều là anh em ruột thịt. Chúng ta sống chết có nhau, sướng khổ cùng nhau, no đói giúp nhau... Ngày nay nước Việt Nam là nước chung của chúng ta. Trong Quốc hội có đủ đại biểu các dân tộc. Chính phủ thì có “Nha Dân tộc thiểu số” để săn sóc cho tất cả các đồng bào” (Hồ Chí Minh, 1995, tập 4: 217).

Ở Nam Bộ, vấn đề dân tộc thiểu số được Đảng ta hết sức quan tâm chú ý vì đây là khu vực sinh sống của đông

đảo các dân tộc thiểu số, trong đó có đồng bào Khmer. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, Đảng bộ Tây Nam Bộ nhanh chóng thi hành các chính sách của Chính phủ, trong đó nổi bật là bỏ 3 thứ thuế của chế độ cũ, phát động phong trào chống giặc đói, xóa nạn mù chữ cho con em đồng bào Khmer vùng sâu (Lê Ngọc Thắng, 2005: 10). Chủ trương cải thiện đời sống cho đồng bào Khmer đã được phản ánh trong Nghị quyết của Hội nghị Cán bộ Trung ương tháng 4/1947 về vấn đề cải thiện dân sinh cho đồng bào các dân tộc.

Những nhiệm vụ như giúp đỡ nhu cầu lương thực, trồng trọt, chăn nuôi, học hành, gây dựng đời sống mới, phổ biến vệ sinh thường thức... (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2001: 104) đưa dân tộc Khmer gia nhập khối đại đoàn kết 54 dân tộc anh em đã được Đảng ta quan tâm và triển khai rộng khắp trong cộng đồng Khmer Nam Bộ (Võ Văn Sen, Trần Nam Tiến, 2011: 16). Có thể nói, cải thiện đời sống cho đồng bào Khmer Nam Bộ có liên quan trực tiếp và cấp bách đến cuộc đấu tranh giữa ta và Pháp. Bởi lẽ, Pháp đã chú ý đến cuộc sống khó khăn của đồng bào Khmer để lợi dụng, như: tuyên truyền rằng người Việt ưu trội hơn so với các dân tộc thiểu số, hoặc kích động, gây chia rẽ giữa người Việt và người Khmer như không cho người Khmer học chữ quốc ngữ (Nhiều tác giả, 2000: 170-171); đưa binh lính Việt đi đàn áp người Khmer (và ngược lại) (Phan Thị Yến Tuyết,

1991: 249), hay chiêu mộ đội ngũ những người Khmer làm việc cho Pháp. Tất cả hòng làm suy yếu tinh thần ủng hộ kháng chiến của người Khmer.

Ngày 22/6/1953, Chính phủ tiếp tục ban hành “Chính sách dân tộc” của Nhà nước Việt Nam theo tinh thần bình đẳng, đoàn kết các dân tộc.

Trên tinh thần “tương trợ và giúp nhau tiến bộ” giữa các tộc người để kháng chiến, kiến quốc (Tổng cục Chính trị, 1989: 92), Đảng đã chú ý giải quyết vấn đề ruộng đất cho đồng bào Khmer Nam Bộ. Không chỉ chia cấp ruộng đất và hỗ trợ vốn để đồng bào Khmer làm ăn, sinh sống, Đảng và chính quyền cách mạng còn chú ý vận động đồng bào Khmer thực hiện đời sống mới tiến bộ và văn minh hơn. Các tệ nạn lạc hậu hay mê tín dị đoan cũng được chỉ ra để đồng bào Khmer, nhất là ở các vùng nông thôn, giảm bớt (Võ Văn Sen, 2010: 28).

Những ngày đầu chống Pháp, các tổ chức vận động đồng bào Khmer đã được hình thành và hoạt động hiệu quả như: Tổ chức Đảng của dân tộc thiểu số miền Nam Việt Nam, “Hội Cao Miên tự do”, Hội đồng Kỷ luật Phật giáo miền Tây Nam Bộ, Hội Isarāk (Hội nhân sĩ Khmer), “Ban Sãi vận”... “từ đó đã gây dựng được một số cơ sở cách mạng và nhân sĩ trí thức Khmer tham gia phong trào chống phá âm mưu của địch” (Lý Sóc Kha, 2016). Ông Thạch Sên, một người Khmer thuần nông đã từ chối làm việc cho Pháp và hăng say tham

gia các hội cứu quốc. Ông đã tích cực dịch báo, tài liệu ra chữ Khmer để phát hành xuống các srok. Với những đóng góp to lớn cho cuộc vận động cách mạng, ông được vinh dự đứng vào hàng ngũ của Đảng Cộng sản Đông Dương (Lý Sóc Kha, 2017). Tại Trà Vinh, tổ chức Đảng thông qua các sư sãi có uy tín đã tuyên truyền, vận động đồng bào ủng hộ kháng chiến, chống lại âm mưu của địch, song song với việc xây dựng xã, ấp chiến đấu; Ban vận động người Miên Rạch Giá được thành lập do Mai Văn Dung - đảng viên người Khmer lãnh đạo (Lê Ngọc Thắng, 2005: 10). Nhiều thanh niên, trí thức Khmer cũng giác ngộ và hăng hái hoạt động cách mạng.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Ủy ban Hành chính Kháng chiến tỉnh và lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh vào cuối năm 1946, đồng bào Khmer không chỉ ủng hộ mà còn hăng hái tham gia kháng chiến. Đồng bào Kinh - Hoa tại tỉnh Trà Vinh đã phối hợp với lực lượng vũ trang tỉnh lập nên những chiến công lẫy lừng ở La Bang, Ô Đùng, chiến dịch Cầu Kè, chiến dịch Cầu Ngang, chiến dịch Trà Vinh... góp phần vào thắng lợi chung của nhân dân cả nước (Ban Tuyên giáo Tỉnh Ủy Trà Vinh, 2016). Giai đoạn này nổi lên những cá nhân tiêu biểu như Sơn Ton, Thạch Ngọc Biên,... đó là những cá nhân đã làm tốt công tác binh vận, đưa phong trào quần chúng ngày càng phát triển và trở thành những tấm gương trung kiên của cách mạng

(Ban Tuyên giáo Tỉnh Ủy Trà Vinh, 2016). Đội ngũ đảng viên, cán bộ người Khmer do Đảng đào tạo đã trực tiếp lãnh đạo đồng bào Khmer Nam Bộ đấu tranh kháng Pháp (Viện Văn hóa, 1987: 226).

Với chính sách dân tộc đúng đắn của Đảng và Nhà nước, đồng bào Khmer Nam Bộ tiếp tục tích cực hưởng ứng các chương trình hành động của Việt Minh dưới nhiều khẩu hiệu ngắn gọn như: “đất nước độc lập”, “người cày có ruộng”, “tự do tín ngưỡng”... Không ít trí thức, sư sãi và đồng bào Phật giáo Nam tông Khmer đã đảm nhiệm những chức vụ quan trọng trong thành phần Ủy ban Việt Minh các cấp; qua đó thể hiện được vị trí, trách nhiệm của mình đối với quốc gia, dân tộc (Trần Lưu, 2018). Nhiều người dân Khmer đã ủng hộ rất lớn cho kháng chiến. Tiêu biểu như bà Đào Thị Sóc xã Trần Hợi, huyện Trần Văn Thời mỗi năm canh tác trên 100 công ruộng, góp lúa nuôi quân và vận động đồng bào Khmer, nhất là sư sãi, trí thức Phật giáo Nam tông Khmer tham gia cứu quốc (Đảng bộ tỉnh Cà Mau, 2009: 5).

“Nhiều căn cứ địa của lực lượng kháng chiến Tây Nam Bộ đã được xây dựng và phát triển trong vùng đồng bào Khmer, tạo chỗ dựa cho cuộc kháng chiến tại chỗ: căn cứ Trà Cú - Trà Vinh; Mỹ Xuyên, Long Phú, Vĩnh Châu - Sóc Trăng; U Minh, Vĩnh Lợi, Ngọc Hiển, Trần Văn Thời - Cà Mau...” (Nguyễn Hữu Dũng, 2018). Các chùa chiền Khmer cũng trở thành

những căn cứ vững chắc của cách mạng, cung cấp nơi trú ẩn, nuôi sống các cán bộ và đảm nhiệm trung tâm liên lạc cho cách mạng (Ngọc Chánh, 2017). Tại các srok (sóc) có các chùa như: chùa Cao Dân xã Tân Lộc và Đầu Nai xã Tân Lộc Bắc, huyện Thới Bình ngày nay; chùa Rạch Cui xã Khánh Bình Đông và chùa Tam Hiệp, xã Trần Hợi, huyện Trần Văn Thời..., các vị trụ trì đã tích cực lãnh đạo sư sãi và phật tử thực hiện những chủ trương đúng đắn và tiến bộ của Đảng (Trần Lưu, 2017). Nhiều vị sư người Khmer đã tham gia và ủng hộ cho cách mạng như Hòa thượng Tăng Phô, Hòa thượng Tăng Hô, Hòa thượng Tăng Sanh, Hòa thượng Tăng Nê, Đại đức Kim Cơ... đóng góp to lớn vào việc bảo vệ các cơ sở cách mạng và kêu gọi sự đoàn kết trong đồng bào Khmer Nam Bộ chống Pháp.

3. KẾT LUẬN

Sự tham gia tích cực của đồng bào Khmer Nam Bộ trong công cuộc kháng Pháp đã phản ánh tính chất

đúng đắn và sự thành công trong việc giải quyết vấn đề dân tộc của Đảng. Từ thành công của công tác xây dựng lực lượng cách mạng trong cộng đồng Khmer Nam Bộ, có thể rút ra một ý nghĩa thực tiễn rộng lớn hơn, không chỉ cho giai đoạn kháng chiến chống Mỹ, mà còn cho công cuộc xây dựng đất nước hiện tại. Để tiếp tục động viên đồng bào Khmer phát huy tinh thần đoàn kết, yêu nước trong thời kỳ hiện nay, các địa phương vùng đồng bào dân tộc Khmer sinh sống cần triển khai tốt các chủ trương, chính sách về dân tộc thiểu số của Đảng và Nhà nước, đầu tư phát triển kinh tế phải gắn với bảo đảm an sinh xã hội trong vùng, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống của đồng bào. Bên cạnh vấn đề dân tộc chính quyền cũng cần quan tâm đến vấn đề tôn giáo, hỗ trợ hoạt động của các chùa Khmer, phát huy chức năng xã hội của các sư sãi, thông qua đó tạo nên những biến đổi trong cộng đồng Khmer, đồng hành với sự phát triển chung của đất nước. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Ban Tuyên giáo tỉnh ủy Trà Vinh. 2016. “Phụ lục II: Các cá nhân và đơn vị anh hùng tỉnh Trà Vinh là người dân tộc Khmer”, 20/6/2016.
2. Ban Tuyên giáo tỉnh ủy Trà Vinh. 2016 “Tổng luận, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm”.
3. Bùi Thị Hồng Loan. 2010. “Tổ chức xã hội truyền thống của người Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long”. *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, số 6.
4. Đảng bộ tỉnh Cà Mau. 2009. *Văn kiện Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số Việt Nam tỉnh Cà Mau*, lần thứ nhất.
5. Đảng Cộng Sản Việt Nam. 2001. *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 9. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.

6. Dương Hoàng Lộc. 2015. “Phát triển bền vững xã tộc người Khmer Nam Bộ - từ thực tiễn đến giải pháp”. *Tạp chí Khoa học*, Trường Đại học Vinh, số 18.
7. Hồ Chí Minh. 1958. *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*, tập I. Hà Nội: Nxb. Sự thật.
8. Hồ Chí Minh. 1995. *Toàn tập*, tập 4. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
9. Lê Ngọc Thắng. 2005. “Đảng ta và vấn đề xây dựng lực lượng cách mạng trong các dân tộc thiểu số (1930-1954)”. *Tạp chí Lịch sử Đảng*, số 9.
10. Lý Sóc Kha. 2016. “Ban Dân tộc tỉnh Sóc Trăng những chặng đường lịch sử”. Ban Dân tộc tỉnh Sóc Trăng, 29/4/2016.
11. Lý Sóc Kha. 2017. “Những hạt giống đồ sống mãi cùng thời gian (Đồng chí Thạch Sên)”. Ban Dân tộc tỉnh Sóc Trăng, 14/9/2017.
12. Ngô Văn Lệ. 2017. “Cuộc đấu tranh của Phật giáo miền Nam chống Mỹ - Diệm và xu hướng nhập thể trong bối cảnh hiện nay”. *Tạp chí Khoa học*, Đại học Thủ Dầu Một, số 2 (33).
13. Ngô Văn Lệ. 2011. “Về một số đặc trưng tín ngưỡng tôn giáo của cư dân Nam Bộ” trong Đề án Khoa học xã hội cấp Nhà nước (2011) *Mấy vấn đề bản sắc văn hóa - xã hội*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học lần thứ ba, TPHCM ngày 17/8/2011. Hà Nội: Nxb. Thế giới.
14. Ngọc Chánh. 2017. “Lưu giữ nét văn hóa Khmer Nam Bộ”, *Sài Gòn giải phóng*, 20/11/2017, <http://www.sggp.org.vn/luu-giu-net-van-hoa-khmer-nam-bo-483389.html>, truy cập ngày 29/8/2018.
15. Nguyễn Hữu Dũng. 2018. “Phát huy truyền thống đoàn kết, yêu nước của đồng bào Khmer Nam Bộ trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, 17/4/2018, <http://tapchimattran.vn/nguyen-cuu/phan-huy-truyen-thong-doan-ket-yeu-nuoc-cua-dong-bao-khmer-nam-bo-trong-cong-cuoc-xay-dung-va-bao-ve-to-quo-12024.html>, truy cập ngày 31/8/2018.
16. Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân. 1978. *Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân*, tập I. Hà Nội: Nxb. Quân đội Nhân dân.
17. Nhiều tác giả. 2000. *Vĩnh Long - Lịch sử và phát triển*. TPHCM: Nxb. TPHCM.
18. Phạm Thanh Hằng. 2016. “Phật giáo Nam Tông Khmer với sự phát triển bền vững khu vực Tây Nam Bộ”. *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam*, số 12.
19. Phan An. 2012. “Một số vấn đề cơ bản và cấp bách của người Khmer Đồng bằng sông Cửu Long”, trong Vương Hoàng Trù - Phú Văn Hân (đồng chủ biên). 2012. *Một số vấn đề về dân tộc và tôn giáo ở Nam Bộ trong phát triển*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
20. Phan An. 2013. “Cuộc đấu tranh của Phật giáo miền Nam chống Mỹ - Diệm và xu hướng nhập thể trong bối cảnh hiện nay”, trong Trương Văn Chung (chủ biên). 2013. *Nhìn lại phong trào đấu tranh Phật giáo miền Nam năm 1963*. TPHCM: Nxb. Phương Đông.
21. Phan Thị Yến Tuyết. 1991. “Truyền thống đấu tranh cách mạng của người Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long”, trong Mạc Đường (chủ biên). 1991. *Vấn đề dân tộc ở Đồng bằng sông Cửu Long*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
22. Tổng cục Chính trị. 1989. *Một số vấn đề dân tộc và quan điểm chính sách dân tộc của Đảng và nhà nước ta*. Hà Nội: Nxb. Quân đội Nhân dân.

23. Trần Khắc Tuấn. 2006. “Tính cộng đồng trong sinh hoạt tôn giáo - tín ngưỡng của người Khmer Nam Bộ”, trong Hội Khoa học Lịch sử TPHCM. 2006. *Nam Bộ: Đất và người*, tập IV. TPHCM: Nxb. Trẻ.
24. Trần Kim Dung. 2000. “Văn hóa truyền thống người Khmer Đồng bằng sông Cửu Long trong cuộc sống hiện nay”, trong Nhiều tác giả. 2000. *Văn hóa Nam Bộ trong không gian xã hội Đông Nam Á*. TPHCM: Nxb. Đại học Quốc gia TPHCM.
25. Trần Lưu. 2017. “Phật giáo Nam tông Khmer ở Cà Mau và những đóng góp trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, Mỹ”. Phân Ban Thông tin Truyền thông Phật giáo Nam tông Khmer, 17/8/2017, <http://phatgiaonamtongkhmer.org/phat-giao-nam-tong-khmer-o-ca-mau-va-nhung-dong-gop-trong-hai-cuoc-khang-chien-chong-phap,-my.-a-253.aspx>, truy cập ngày 27/9/2018.
26. Ủy ban Dân tộc. 2015. “Lịch sử phát triển của Ủy ban Dân tộc”, *Cổng Thông tin điện tử Ủy ban Dân tộc*, 31/10/2015, <http://www.cema.gov.vn/gioi-thieu/lich-su-phat-trien/lich-su-phat-trien-cua-uy-ban-dan-toc.htm>, truy cập ngày 27/8/2018.
27. Viện Văn hóa. 1987. *Người Khmer Cửu Long*. Sở Văn hóa và Thông tin Cửu Long.
28. Võ Văn Sen. 2010. “Việc vận động đồng bào Khmer Nam Bộ trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ (1945-1975)”. *Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ*, Vol 13, No.X1-2010.
29. Võ Văn Sen, Trần Nam Tiến. 2011. “Những vấn đề cấp bách đặt ra trong quá trình đồng bào Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long đi lên công nghiệp hóa - hiện đại hóa”. *Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ*, Vol 14, No.X1-2011.